

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2026/DS-PT

Ngày: 27/01/2026

V/v “Tranh chấp chia di sản thừa kế”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Hoàn.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hiền và Ông Bùi Minh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Thành - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 59/2025/TLPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2025 về “Tranh chấp chia di sản thừa kế”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2026/QĐXX-PT ngày 07 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Hoài T, sinh năm 1975; (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà H, đường A, khu phố C, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh

***Bị đơn:** Bà Hồ Thị H, sinh năm 1968; (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường H, tỉnh Hà Tĩnh

***Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:** Ông Ngô Hà G, sinh năm 1983; Địa chỉ: Tổ dân phố H, đường L, phường S, tỉnh Hà Tĩnh. (Có mặt)

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Phạm Xuân S, sinh năm 1996; Địa chỉ: Tổ dân phố Bắc Hải, phường Hải Ninh, tỉnh Hà Tĩnh

2. Chị Phạm Thị P, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn Đất Đỏ, xã Kỳ Văn, tỉnh Hà Tĩnh

3. Bà Phạm Thùy D, sinh năm 1969; Địa chỉ: A H, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Phạm Thị D1, sinh năm 1949; Địa chỉ: Tổ B, ấp S, C, B, thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Phạm Đức T1, sinh năm 1954; Địa chỉ: Tổ H, B, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

7. Ông Phạm Nam P1, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ H, B, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

8. Bà Phạm Thị Bích H1, sinh năm 1980; Địa chỉ: A Tầng A, Các P, L, T, thành phố Hồ Chí Minh.

9. Ông Lê Xuân T2; Địa chỉ: Đường C, Khu phố B T, Thành phố Hồ Chí Minh
 10. Ông Phạm Tiến D2, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Tổ H, khu phố B, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

10. Bà Hà Thị N; Địa chỉ: Tổ H, khu phố B, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

11. Anh Phạm Xuân B, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn B, phường H, tỉnh Hà Tĩnh.

12. Bà Dương Thị H2; Địa chỉ: Thôn S, xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

13. Bà Đặng Thị T3, sinh năm 1962; Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường H, tỉnh Hà Tĩnh.

14. Ông Phạm Thanh T4, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường H, tỉnh Hà Tĩnh.

15. Ông Phạm Xuân L, sinh năm 1962; Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường H, tỉnh Hà Tĩnh.

16. Ông Phạm Thanh H3, sinh năm 1972; Địa chỉ: Đường L, phường S, tỉnh Hà Tĩnh

17. Ủy ban nhân dân phường H, tỉnh Hà Tĩnh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Bá T5 - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường (Vắng mặt)

*Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Xuân K - Chức vụ: Chuyên viên Phòng kinh tế hạ tầng và Đô thị (Có mặt)

*Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Xuân S, chị Phạm Thùy D: Ông Ngô Hà G, sinh năm 1983; Địa chỉ: Đ: Tổ dân phố H, phường S, tỉnh Hà Tĩnh. (Có mặt)

(Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Anh Phạm Xuân S, chị Phạm Thùy D ủy quyền cho ông Ngô Hà G tham gia tố tụng; bà Phạm Thị P, bà Phạm Thị D1, ông Phạm Đức T1, ông Phạm Nam P1, bà Phạm Thị Bích H1, ông Lê Xuân T2, bà Hà Thị N, anh Phạm Xuân B, bà Dương Thị H2; bà Đặng Thị T3, ông Phạm Thanh T4, ông Phạm Xuân L, ông Phạm Thanh H3 vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2024, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, nguyên đơn bà Phạm Thị Hoài T trình bày:

Thửa đất số 502, tờ số 16, địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là thôn B, phường H, tỉnh Hà Tĩnh), diện tích đất theo hiện trạng 1446,5m² (diện tích theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 982m², trong đó 200m² đất ở và 782m² đất vườn) là của ông Phạm Xuân N1 và bà Võ Thị N2 là cha mẹ của bà T để lại. Gia đình bà T sinh sống trên thửa đất đến năm 1993 thì mẹ cùng hai anh, em trai bị chết do hỏa hoạn. Đến năm 1994, bố bà T đưa bà Hồ Thị H về sống cùng trên nhà và đất của bố mẹ bà T để lại và có 01 người con chung là Phạm Xuân S. Thời điểm, bà H về sinh sống cùng với ông Phạm Xuân N1 thì đưa theo chị Phạm Thị P (con riêng của bà H) về sống cùng cho đến khi chị P đi lấy chồng. Năm 2007, ông Phạm Xuân N1 qua đời không để lại di chúc, bà H

tiếp tục sinh sống trên thửa đất. Năm 2019, do nhà cũ của cha mẹ bà T để lại đã mục nát nên bà đã thống nhất với bà Hồ Thị H cùng anh Phạm Xuân S tháo dỡ để xây lại làm nơi thờ cúng cha mẹ, ông bà, tổ tiên, toàn bộ tiền xây nhà đều do bà T bỏ ra. Bà Hồ Thị H chỉ là người theo bố bà T về sống chung từ năm 1994 không có cưới hỏi và đăng ký kết hôn.

Nay bà Phạm Thị Hoài T khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tại thửa 502, tờ bản đồ số 16, tổng diện tích 1446,5m² theo quy định của pháp luật và yêu cầu được chia phần đất có nhà ở vì ngôi nhà do T bà bỏ tiền và công sức xây dựng để làm nơi thờ cúng. Ngoài ra, trên thửa đất này còn có một nhà thờ, vào năm 2014 do ông nội của bà T (ông Phạm N1) là tộc trưởng cho nên 03 nhánh họ mong muốn làm nhà thờ trên một phần diện tích đất này và bà đã đồng ý cho xây dựng, trong đó bà T đóng góp số tiền 6.000.000 đồng. Đối với phần đất đã xây nhà thờ thì bà đề nghị được hoàn trả cho mỗi nhánh số tiền 30.000.000 đồng và buộc các nhánh này dời dọn, tháo dỡ nhà thờ để trả lại mặt bằng hoặc nếu nhượng lại thì bà sẽ quản lý, sử dụng.

Bị đơn bà Hồ Thị H trình bày: Năm 1993, được sự mai mối bà Hồ Thị H đồng ý về sống chung với ông Phạm Xuân N1, thời điểm bà H về chung sống thì có cha đẻ của ông N1 là ông Phạm H4 và con riêng của bà là chị Phạm Thị P về sống cùng. Một thời gian thì bà H sinh thêm anh Phạm Xuân S. Quá trình chung sống mọi người sống hòa thuận, giữa bà và chị Phạm Thị Hoài T chưa từng xảy ra mâu thuẫn; con riêng của bà Phạm Thị P được ông N1 nhận là con và khai sinh ông N1 là cha, được ông N1 chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Thửa đất mà gia đình bà đang sinh sống được ông Phạm H4 (*cha đẻ ông N1*) cho bà và ông N1 quản lý và sử dụng, năm 1996 thửa đất trên được nhà nước cấp giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) mang tên ông Phạm Xuân N1. Sau khi ông H4 và ông N1 qua đời, bà H cùng bà Phạm Thị Hoài T, anh Phạm Xuân S thống nhất góp tiền làm lại nhà để bà H ở và có chỗ thờ cúng. Nay bà H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện bà Phạm Thị Hoài T, bà H khẳng định thửa đất trên là do ông Phạm H4 để lại cho bà H và ông Phạm Xuân N1 quản lý, sử dụng. Căn nhà trước đây bà H ở và sau này bà cùng với bà T thống nhất đập đi để xây lại nhà mới thì bà cùng với các con đã đóng góp tiền, công sức xây dựng nên, vì thế bà đề nghị Tòa án phân chia theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, trên thửa đất có 01 nhà thờ của chi họ P2. Thời điểm xây dựng nhà thờ năm 2014, khi đó bà Hồ Thị H, bà Phạm Thị Hoài T đã đồng ý cùng đại diện của hai nhánh họ là ông Phạm Đức T1 và ông Phạm Văn T6 lập văn bản giao một phần diện tích đất khoảng 100m² để xây nhà thờ. Mặc dù, anh Phạm Xuân S, chị Phạm Thị P và các con cháu của ông Phạm H4 không ký vào văn bản nhưng quá trình xây dựng, sử dụng nhà thờ không ai có ý kiến phản đối và hiện nay các con cháu đều đồng ý việc tách khoảng 100m² để làm khuôn viên

nhà thờ họ. Nay bà H đề nghị giữ nguyên hiện trạng nhà thờ họ và không phân chia đối với phần diện tích đất này.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Xuân S và người đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày:* Anh Phạm Xuân S thống nhất với tất cả các nội dung như bị đơn bà Hồ Thị H trình bày, đối với di sản của anh S được chia và được các đương sự khác tặng cho thì anh S có nguyện vọng giao lại cho mẹ là bà Hồ Thị H quản lý, sử dụng và không yêu cầu gì thêm.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Phương trình B1:* Chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hoài T, chị P không bênh vực ai nhưng bản thân chị được ông N1 chăm sóc nuôi dưỡng, học hành từ năm 1993 cho đến khi chị đi lấy chồng và ông N1 khai sinh là cha; quá trình sinh sống với ông N1 thì chị P có đóng góp công sức làm lại nhà và tôn tạo trên thửa đất, chị P yêu cầu được hưởng quyền lợi trên thửa đất đó theo đúng quy định pháp luật. Chị P thống nhất như ý kiến của bà Hồ Thị H, đối với phần di sản mà chị P được chia thì chị tự nguyện tặng cho lại để bà Hồ Thị H quản lý, sử dụng và không yêu cầu gì thêm.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đức T1, bà Phạm Thị D1 và bà Phạm Thùy D thống nhất trình bày:* Các ông bà là các con của ông Phạm H4, nên được hưởng một phần di sản thừa kế của ông Phạm Xuân N1 để lại. Đối phần di sản mà ông T1, bà D1, bà D được hưởng thì có nguyện vọng tặng cho anh Phạm Xuân S quản lý, sử dụng và không yêu cầu gì thêm. Quá trình làm nhà thờ ông T1 có đóng góp tiền xây dựng, nay ông có nguyện vọng được giữ lại nhà thờ để làm nơi thờ cúng và không có yêu cầu gì đối với số tiền đã đóng góp.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Tiến D2, ông Phạm Thanh T4, bà Hà Thị N, ông Phạm Xuân B, bà Đặng Thị T3, bà Dương Thị H2 thống nhất trình bày:* Đối phần di sản thừa kế mà các ông bà được hưởng, các ông bà có nguyện vọng tặng cho anh Phạm Xuân S quản lý, sử dụng để làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên và không yêu cầu gì thêm.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Nam P1, bà Phạm Thị Bích H1, ông Lê Xuân T2 thống nhất trình bày:* Đối với số tiền đã đóng góp cho bà Hồ Thị H xây dựng ngôi nhà mà hiện nay bà H đang ở là số tiền các ông bà tự nguyện cho riêng bà H trong lúc khó khăn nên không yêu cầu bà H trả lại và số tiền cho bà H làm nhà không liên quan gì đến bà Phạm Thị Hoài T.

**Người đại diện theo ủy quyền của UBND phường H ông Võ Xuân K trình bày:* Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp theo bản đồ 299, sổ mục kê mang tên bà Võ Thị N2, được bà Võ Thị N2 và ông Phạm Xuân N1 sử dụng ổn định trước năm 1980. Việc cấp GCNQSD đất cho ông Phạm Xuân N1 năm 1996 là đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Vì vậy, có căn cứ xác định thửa đất là di sản của bà Võ Thị N2 và ông Phạm Xuân N1 để lại. Diện tích thực trạng của thửa đất lớn hơn diện tích ghi trong GCNQSD đất là do khi kê

khai để cấp Giấy CNQSD đất kê khai chưa hết, đối với diện tích này đủ điều kiện để cấp giấy CNQSD đất và phân chia theo quy định; theo quy định hạn mức đối với diện tích đất khi tách thửa phải có tối thiểu 50m² đất ở. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2- Hà Tĩnh quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 651, 652 Bộ luật dân sự; khoản 5 Điều 98, khoản 1 Điều 166 Luật đất đai 2013; Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Điều 79 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 35/2000/QH10 của Quốc hội; điểm a, b khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Hoài T về việc chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Phạm Xuân N1 và bà Võ Thị N2 để lại là thửa đất số 502, tờ số 16, địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là thôn B, phường H, tỉnh Hà Tĩnh), theo Giấy CNQSD đất mang tên Phạm Xuân N1, cấp ngày 15/10/1996. Xác định phần di sản thừa kế của ông Phạm Xuân N1 để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích đất thuộc thửa đất số 502, tờ số 16, địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là thôn B, phường H, tỉnh Hà Tĩnh), có diện tích là 677,8m², có tự cận cụ thể như sau: Phía Bắc giáp thửa đất 255, 111, có chiều dài gồm 03 đoạn: đoạn 1 dài 8,63m, đoạn 2 dài 19,46m, đoạn 3 dài 10,62m; Phía Nam giáp phần đất 151, thửa đất 449, có chiều dài gồm 04 đoạn: đoạn 1 dài 5,43m, đoạn 2 dài 27,86m, đoạn 3 dài 8,95m, đoạn 4 dài 20,35m; Phía Đông giáp đường liên thôn, có chiều dài gồm 04 đoạn: đoạn 1 dài 5,85m, đoạn 2 dài 3,8m, đoạn 3 dài 3,96m, đoạn 4 dài 5,08m; Phía Tây giáp thửa đất 113, có chiều dài 22,90m.

Di sản của ông Phạm Xuân N1 có diện tích 677,8m² được phân chia thành 05 phần bằng nhau: Bà Phạm Thị Hoài T 01 phần; anh Phạm Xuân S 01 phần; chị Phạm Thị P 01 phần; bà Hồ Thị H 01 phần; ông Phạm H4 (cha đẻ ông N1 đã chết) nên các con, cháu của ông H4 được hưởng 01 phần gồm: Bà Phạm Thị Hoài T, bà Phạm Thị P, ông Phạm Xuân S, bà Phạm Thị D1, ông Phạm Đức T1, bà Phạm Thị D3, bà Hà Thị N, ông Phạm Tiến D2, ông Phạm Xuân B, bà Dương Thị H2, bà Đặng Thị T3, ông Phạm Thanh T4. Mỗi phần có diện tích là: $677,8\text{m}^2/05 \text{ phần} = 135,56\text{m}^2/01 \text{ phần}$. Ông Phạm H4 được hưởng 01 phần từ ông Phạm Xuân N1 có diện tích 135,56m² được chia thành 07 phần, tương đương mỗi phần là $135,56\text{m}^2/07 \text{ phần} = 19,36\text{m}^2$. Ông Phạm Xuân N1 được hưởng 01 phần từ ông Phạm H4 có diện tích 19,36m² được chia thành 03 phần, tương đương mỗi phần là $19,36\text{m}^2/03 \text{ phần} = 6,45\text{m}^2$.

2. Phần diện tích đất bà Hồ Thị H được chia công sức bảo, quản tôn có diện tích là $135,56\text{m}^2$

Ghi nhận sự tự nguyện của các con cháu của ông Phạm H4 nêu trên (trừ bà Phạm Thị Hoài T) về việc tặng cho toàn bộ phần diện tích đất được chia cho ông Phạm Xuân S toàn quyền quản lý, sử dụng.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Xuân S về việc tặng cho toàn bộ phần diện tích đất được chia và toàn bộ phần diện tích đất là di sản của các con cháu của ông Phạm Hiệu T7 cho để tặng cho lại toàn bộ cho bà Hồ Thị H toàn quyền quản lý, sử dụng.

Tổng diện tích phần đất bà Hồ Thị H được hưởng là: $135,56\text{m}^2$ (phần của bà Hồ Thị H) + $135,56\text{m}^2$ (phần của anh Phạm Xuân S tặng cho) + $135,56\text{m}^2$ (phần của chị Phạm Thị Phương T8 cho) + $(135,56\text{m}^2 - 6,45\text{m}^2)$ (phần của các con cháu ông Phạm Hiệu T7 cho, trừ $6,45\text{m}^2$ của bà T) = $535,79\text{m}^2$, trong đó: đất ở 60m^2 , đất vườn $475,79\text{m}^2$, trị giá 60.027.395 đồng, có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp thửa đất 255, thửa đất 111, có chiều dài gồm 03 đoạn: đoạn 1 dài 8,63m, đoạn 2 dài 19,46m, đoạn 3 dài 10,62m; Phía Nam giáp phần đất chia cho bà Phạm Thị Hoài T, có chiều dài 44,92m; Phía Đông giáp đường liên thôn, có chiều dài gồm 02 đoạn: đoạn 1 dài 5,85m, đoạn 2 dài 3,8m; Phía Tây giáp phần đất chia cho bà Phạm Thị Hoài T, có chiều dài 12,9m.

Giao cho bà Hồ Thị H được toàn quyền quản lý, sử dụng ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ cùng toàn bộ tài sản nằm trên diện tích đất chia cho bà H. Đồng thời bà Hồ Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Hoài T số tiền đóng góp xây dựng nhà là 145.129.044 đồng (*Một trăm bốn mươi lăm triệu một trăm hai mươi chín nghìn không trăm bốn bốn đồng*).

3. Giao cho bà Phạm Thị Hoài T tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất là di sản của bà Võ Thị N2 để lại đã hết thời hiệu chia thừa kế, có diện tích $677,8\text{m}^2$.

Phần diện tích đất của bà Phạm Thị Hoài T được hưởng của ông Phạm Xuân N1 là $135,56\text{m}^2 + 6,45\text{m}^2 = 142,01\text{m}^2$. Như vậy, tổng diện tích đất bà Phạm Thị Hoài T được quản lý, sử dụng là: $142,01\text{m}^2 + 677,8\text{m}^2 = 819,81\text{m}^2$, trong đó: đất ở 90m^2 , đất vườn $729,81\text{m}^2$, trị giá 90.855.405 đồng, có tứ cận cụ thể như sau: Phía Bắc giáp phần đất chia cho bà Hồ Thị H, có chiều dài 44,92m; Phía Nam giáp thửa đất 151, thửa đất 449 có chiều dài gồm 04 đoạn: đoạn 1 dài 5,43m, đoạn 2 dài 27,86m, đoạn 3 dài 8,95m, đoạn 4 dài 20,35m; Phía Đông giáp đường liên thôn có chiều dài gồm 02 đoạn: đoạn 1 dài 3,93m, đoạn 2 dài 5,08m; Phía Tây giáp thửa đất 113 có chiều dài 22,9m.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn bà Hồ Thị H về việc tháo dỡ, dời dọn toàn bộ tài sản của bà H nằm trên diện tích đất chia cho bà Phạm Thị Hoài T. Đối với các tài sản khác gắn liền với diện tích đất được chia, bà Phạm Thị Hoài T được toàn quyền quản lý, sử dụng.

4. Giao phần đất có diện tích $90,9\text{m}^2$, trong đó: đất ở 50m^2 , đất vườn $40,9\text{m}^2$, thuộc thửa đất số 502, tờ số 16, địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện K, tỉnh Hà

Tĩnh (nay là thôn B, phường H, tỉnh Hà Tĩnh) đã xây dựng nhà thờ cho 03 nhánh họ quản lý, sử dụng gồm: nhánh của các con cháu ông Phạm H4 do ông Phạm Đức T1 làm đại diện; nhánh do ông Phạm Văn H5 và nhánh do ông Phạm Xuân L làm đại diện, có tứ cận cụ thể như sau: Phía Bắc giáp thửa đất 255, có chiều dài 14,17m; Phía Nam giáp phần đất chia cho bà Hồ Thị H, có chiều dài 14,26m; Phía Tây giáp phần đất chia cho bà Hồ Thị H, có chiều dài 6,4m; Phía Đông giáp đường liên thôn, có chiều dài 6,4m.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 10 tháng 10 năm 2025 nguyên đơn bà Phạm Thị Hoài T làm đơn kháng cáo với nội dung: Bà T thống nhất với cách chia phần thừa kế của Tòa án, nhưng bà không đồng ý nhận phần di sản là phần đất không có nhà ở. Đề nghị Tòa cấp phúc thẩm xem xét bản sơ thẩm để chia thừa kế đất cho bà được hưởng phần đất có nhà ở.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Hoài T vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa bị đơn bà Hồ Thị H và người đại diện theo ủy quyền ông Ngô Hà G trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị Hoài T giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DSST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Hà Tĩnh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.]. Về thủ tục tố tụng: Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật và thụ lý giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a và c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng, đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng.

[1.2]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị Hoài T làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. *Về thời điểm mở thừa kế*: Ông Phạm Xuân N1 và bà Võ Thị N2 là vợ chồng. Năm 1993 thì bà N2 chết, sau khi bà N2 chết thì ông N1 chung sống cùng với bà Hồ Thị H đến năm 2007 thì ông N1 chết. Hai ông bà trước khi chết đều không để lại di chúc. Bà Võ Thị N2 chết ngày 06/11/1993 nên thời hiệu chia thừa kế phần di sản của bà Võ Thị N2 đã hết theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự: “*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản... kể từ thời điểm mở thừa kế*”. Ông Phạm Xuân N1 chết năm 2007 nên thời hiệu khởi kiện đang còn. Vì vậy, không xem xét chia thừa kế đối với phần di sản của bà Võ Thị N2 để lại.

[2.2]. *Về diện và hàng thừa kế*: Căn cứ lời khai của các đương sự và xác định của chính quyền địa phương xác định: ông Phạm Xuân N1 và bà Võ Thị N2 kết hôn với nhau từ trước năm 1971, quá trình chung sống ông bà có 03 người con chung gồm ông Phạm Đức C, sinh năm 1971 (*chết năm 1993*); ông Phạm Đức C1, sinh năm 1981 (*chết năm 1993*) và bà Phạm Thị Hoài T, sinh năm 1975.

Sau khi bà Võ Thị N2 chết, ông Phạm Xuân N1 chung sống với bà Hồ Thị H như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, khi về chung sống với ông N1 bà H đưa theo một người con riêng của mình chị Phạm Thị P, sinh năm 1992. Quá trình chung sống bà Hồ Thị H và ông Phạm Xuân N1 có với nhau 01 người con chung là anh Phạm Xuân S. Chị P sống với ông N1 từ nhỏ nên được ông chăm sóc, nuôi dưỡng và coi như con đẻ của mình; tại giấy khai sinh của chị Phạm Thị P phản ánh ông N1 là cha đẻ. Do đó, căn cứ Điều 79 Luật hôn và gia đình xác định bà Phạm Thị P và ông Phạm Xuân N1 có mối quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Như vậy, khi phân chia di sản của ông Phạm Xuân N1 thì bà Phạm Thị P được hưởng 01 suất thừa kế hàng thứ nhất của ông Phạm Xuân N1 để lại.

Ông Phạm Xuân N1 chết năm 2007, hàng thừa kế của ông N1 được xác định gồm: bà Phạm Thị Hoài T, anh Phạm Xuân S, chị Phạm Thị P và ông Phạm H4 (*ông H4 là cha đẻ ông N1 chết năm 2012*) có 08 người con gồm: ông Phạm Xuân N1 (*đã chết, có con Phạm Thị Hoài T, Phạm Thị P, Phạm Xuân S*); bà Phạm Thị D1; ông Phạm Đức T1; Phạm Thị D3; ông Phạm Văn T9 (*đã chết, có vợ là bà Hà Thị N và con là Phạm Tiến D2, Phạm Xuân B*); bà Phạm Thị D4 (*đã chết, có con là Dương Thị H2*); ông Phạm Văn T6 (*đã chết, có vợ Đặng Thị T3, con Phạm Thanh T4*) và bà Phạm Thị L1 (*đã chết, chưa có chồng con*).

[2.3]. *Về cách chia di sản thừa kế*:

Xác định di sản thừa kế ông Phạm Xuân N1 và bà Võ Thị N2 để lại là thửa đất số 502, tờ số 16, địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là thôn B, phường H, tỉnh Hà Tĩnh), diện tích đất theo hiện trạng thực tế là 1446,5m² (diện tích theo Giấy CNQSD đất là 982m², trong đó 200 m² đất ở và 782 m² đất vườn). Trên thửa đất này có 01 ngôi nhà thờ; theo các đương sự trình bày nhà thờ được xây vào năm 2014 do 03 nhánh trong dòng họ phạm đóng góp tiền và công sức, một nhánh là con cháu của ông Phạm H4 (nhánh trưởng), một nhánh do ông Phạm Xuân L làm đại diện, một nhánh do ông Phạm Văn H5 làm đại

diện. Theo biên bản họp gia đình về việc chuyển diện tích sử dụng đất để làm nhà thờ lập ngày 30/10/2014 phản ánh: chuyển nhượng 100m² đất ở của bà H (ông N1 đã chết) để làm nhà thờ, có chữ ký của bà Phạm Thị Hoài T, bà Hồ Thị H, ông Phạm Đức T1 và ông Phạm Văn T6. Phần diện tích xây dựng nhà thờ được xây tường bao thành khuôn viên, theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ diện tích hiện trạng là 90,9m².

Diện tích đất còn lại sau khi trích làm nhà thờ là 1.355,6m² được chia đôi, bà Võ Thị N2 được hưởng 01 phần, ông Phạm Xuân N1 được hưởng 01 phần, cụ thể: 1355,6m²/02 phần = 677,8m²/01 phần. Sau khi bà Võ Thị N2 chết thì ông N1, ông Phạm H4, bà H và các con của ông N1 ở trên phần đất có ngôi nhà, năm 2019 được xây dựng lại nên xác định $\frac{1}{2}$ phần di sản của ông Phạm Xuân N1 là phần đất có nhà ở. Theo kết quả định giá tài sản ngày 05/6/2025 xác định: 01 m² đất ở có trị giá 600.000 đồng/01m²; 01m² đất vườn có trị giá 50.500 đồng/01m².

Đối với phần di sản của bà Võ Thị N2 có diện tích 677,8m² đã hết thời hiệu khởi kiện nên được giao cho bà Phạm Thị Hoài T. Hiện nay, bà Phạm Thị Hoài T là hàng thừa kế duy nhất của bà Võ Thị N2. Mặc dù, từ khi bà N2 chết đến nay, bà T không trực tiếp ở trên thửa đất, tuy nhiên bà thường xuyên đi về để thờ cúng cha mẹ và ở lại ngôi nhà cấp 4 trên thửa đất, sự việc này được bà H, chị P và người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Xuân S thừa nhận. Năm 2014 bà T đã lập văn bản đồng ý cho các nhánh của dòng họ P2 làm nhà thờ trên đất. Năm 2019 do nhà cửa xuống cấp nên bà T, bà H đã thuê người tháo dỡ và xây lại nhà mới để làm nơi thờ cúng và cho bà Hồ Thị H ở đến nay, bà T là người đóng góp phần lớn số tiền và đứng ra thuê người làm toàn bộ; bỏ tiền thuê người xây toàn bộ tường rào bao quanh toàn bộ thửa đất. Ngày 12/6/2023, bà Hồ Thị H, bà Phạm Thị Hoài T, anh Phạm Xuân S đã lập văn bản thỏa thuận chuyển toàn bộ tài sản thừa kế nêu trên cho bà Phạm Thị Hoài Thanh quản L2, sử dụng, văn bản được chứng thực tại UBND xã K, quá trình bà T làm hồ sơ cấp giấy CNQSD đất thì các bên xảy ra tranh chấp nên việc thỏa thuận không được thực hiện. Như vậy, phần di sản của bà Võ Thị N2 đã hết thời hiệu cần được giao cho bà Phạm Thị Hoài Thanh quản L2 di sản đó.

Đối với phần di sản của ông Phạm Xuân N1 có diện tích 677,8m² được phân chia thành 05 phần gồm: Bà Phạm Thị Hoài T 01 phần; anh Phạm Xuân S 01 phần; chị Phạm Thị P 01 phần; bà Hồ Thị H 01 phần; ông Phạm H4 (cha đẻ ông N1 đã chết) nên các con, cháu của ông H4 được hưởng 01 phần gồm: ông Phạm Xuân N1 (đã chết, có con Phạm Thị Hoài T, Phạm Thị P, Phạm Xuân S); bà Phạm Thị D1; ông Phạm Đức T1; Phạm Thị D3; ông Phạm Văn T9 (đã chết, có vợ là bà Hà Thị N và con là Phạm Tiến D2, Phạm Xuân B); bà Phạm Thị D4 (đã chết, có con là Dương Thị H2); ông Phạm Văn T6 (đã chết, có vợ Đặng Thị T3, con Phạm Thanh T4). Mỗi phần có diện tích là: 677,8m²/05 phần = 135,56m².

Ông Phạm H4 được hưởng 01 phần từ ông Phạm Xuân N1 có diện tích 135,56m² được chia thành 07 phần, tương đương mỗi phần là 135,56m²/07 phần = 19,36m². Các hàng thừa kế thứ nhất của ông Phạm Xuân N1 gồm chị T, anh S

và chị P được hưởng 01 phần thừa kế di sản từ ông Phạm H4 với diện tích $19,36\text{m}^2$ được chia thành 03 phần, tương đương mỗi phần là $19,36\text{m}^2/03 \text{ phần} = 6,45\text{m}^2$.

Như vậy, phần diện tích đất của bà Phạm Thị Hoài T được hưởng của ông Phạm Xuân N1 là $135,56\text{m}^2 + 6,45\text{m}^2 = 142,01\text{m}^2$. Tổng diện tích đất bà Phạm Thị Hoài T được quản lý của bà Võ Thị N2 và phần diện tích đất được chia thừa kế là $142,01\text{m}^2 + 677,8\text{m}^2 = 819,81\text{m}^2$.

Trong quá trình giải quyết vụ án, những người được hưởng phần di sản thừa kế của ông Phạm H4 tự nguyện tặng cho anh Phạm Xuân S quản lý, sử dụng; anh Phạm Xuân S tự nguyện chuyển giao toàn bộ phần di sản mà mình được nhận cho bà Hồ Thị H quản lý, sử dụng. Chị Phạm Thị P tự nguyện chuyển phần di sản mình được nhận cho bà Hồ Thị H quản lý sử dụng. Như vậy, phần diện tích đất bà Hồ Thị H được chia bao gồm công sức bảo quản tôn tạo và được anh Phạm Xuân S, chị Phạm Thị Phương T8 cho có tổng diện tích là: $135,56\text{m}^2$ (phần của bà H) + $135,56\text{m}^2$ (phần của anh S) + $135,56\text{m}^2$ (phần của chị P) + $(135,56\text{m}^2 - 6,45\text{m}^2)$ (phần của các con cháu ông Phạm Hiệu T7 cho, trừ $6,45\text{m}^2$ của bà T) = $535,79\text{m}^2$.

Phần diện tích $90,9\text{m}^2$ đã xây dựng nhà thờ các đương sự thống nhất giao cho đại diện các nhánh của dòng họ P2.

[2.4]. Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị Hoài T:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Hoài T đồng ý với cách chia di sản thừa kế của ông Phạm Xuân N1 để lại của Tòa án cấp sơ thẩm. Tuy nhiên, bà không đồng ý nhận phần di sản là phần đất không có nhà ở. Bà cho rằng việc cấp sơ thẩm chia cho bà phần đất trống là không hợp lý bởi vì bà là người thuê nhân công và bỏ tiền ra để xây dựng nên căn nhà mà hiện nay bà H đang ở, hơn nữa hiện nay bà chưa có chỗ ở nên bà có mong muốn là sử dụng ngôi nhà này làm nơi thờ cúng cha, mẹ, anh em đã mất và có nơi để ở khi mỗi lần về quê.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy rằng, tại cấp sơ thẩm cả nguyên đơn bà Phạm Thị Hoài T và bị đơn bà Hồ Thị H đều có nguyện vọng được chia phần diện tích đất có ngôi nhà cấp 4 xây dựng năm 2019. Theo nguyên đơn trình bày ngôi nhà này được xây dựng trên nền móng ngôi nhà cũ của cha mẹ bà; bà là người bỏ tiền ra để xây dựng nên bà có toàn quyền quyết định đối với tài sản của mình. Theo ý kiến của bị đơn thì từ khi bà về chung sống với ông Phạm Xuân N1, bà là người chăm sóc ông N1 và cha ông N1 là ông Phạm H4, cả gia đình sống vui vẻ hòa thuận và đã có với ông N1 một người con chung, hàng năm có cải tạo sửa chữa nhà; năm 2019 khi ngôi nhà cũ xuống cấp thì bà đã thống nhất với bà Phạm Thị Hoài T, anh Phạm Xuân S tháo dỡ để xây dựng lại nhà mới để bà vừa ở, vừa làm nơi thờ cúng. Quá trình làm nhà bà có đóng góp công sức và tiền bạc, ngoài chỗ ở này từ trước đến nay thì bà không có chỗ ở nào khác, hoàn cảnh hiện tại khó khăn không có điều kiện xây nhà mới, nên bà có nguyện vọng được sử dụng ngôi nhà làm nơi sinh sống và thờ cúng. Quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Xuân S, chị Phạm Thị P đều có nguyện vọng chia phần đất có nhà ở cho bà Hồ Thị H quản lý, sử dụng. Xét thấy nguyện vọng

của nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn chính đáng, tuy nhiên để giao cho ai được nhận phần đất có nhà ở thì cần phải xem xét một cách toàn diện đảm bảo quyền lợi của các bên.

Hội đồng xét xử xét thấy bà Hồ Thị H về chung sống với ông Phạm Xuân N1 trên thửa đất này từ năm 1993 từ đó đến nay cũng đã 33 năm, quá trình sinh sống bà cũng có công tôn tạo, bảo quản di sản, trong quá trình xây dựng lại nhà cửa bà và các người con là chị Phạm Thị P và anh Phạm Xuân S cũng có công sức đóng góp, hiện nay bà không có chỗ ở nào khác. Còn bà Phạm Thị Hoài T đã sinh sống, làm việc tại tỉnh Bình Dương từ năm 1992 đến nay, thỉnh thoảng bà mới về thăm quê nhân các ngày giỗ, lễ tết. Hơn nữa bà T cũng đã hộ khẩu thường trú tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là thành phố Hồ Chí Minh). Xét về công sức cũng như số tiền mà các đương sự đóng góp thì các đương sự đều thừa nhận làm nhà hết tổng số tiền 345.000.000 đồng, trong đó có 60.000.000 đồng do ông Lê Xuân T2, ông Phạm Nam P1 và bà Phạm Thị Bích H1 đóng góp. Nguyên đơn bà T cho rằng toàn bộ số tiền của 03 người đóng góp nêu trên là cho bà T. Tuy nhiên, ông Lê Xuân T2, ông Phạm Nam P1 và bà Phạm Thị Bích H1 có văn bản xác nhận số tiền này là cho riêng bà Hồ Thị H xây dựng nhà cấp 4, không liên quan gì đến bà T. Ông Phạm Xuân B là người trực tiếp đứng ra thi công và quyết toán thừa nhận đã nhận 98.000.000 đồng từ bà Hồ Thị H, ông B cũng cho rằng số tiền ông nhận từ người nào thì xác định của người đó. Bà Phạm Thị Hoài T cho rằng số tiền 98.000.000 đồng mà bà H đưa cho ông B là tiền của bà nhờ bà H đưa, tuy nhiên bà T không đưa ra được căn cứ để chứng minh. Như vậy, có căn cứ xác định số tiền bà Hồ Thị Hoài G1 và được ông T2, bà H1, ông P1 cho là 158.000.000 đồng. Số tiền còn lại $345.000.000 \text{ đồng} - 158.000.000 \text{ đồng} = 187.000.000 \text{ đồng}$ là của bà T góp. Đối với số tiền 98.000.000 đồng bà T cho rằng đó là của bà nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Vì thế Tòa cấp sơ thẩm đã chia thửa đất có căn nhà cho bà H quản lý sử dụng là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Phạm Thị Hoài T đã cung cấp thêm một số tài liệu chứng cứ, cụ thể: Vi bằng do Văn phòng T10 lập số 27/2026/VB-TPL ngày 13 tháng 01 năm 2026; Biên bản bàn giao nhà ở ngày 31/12/2019; Hợp đồng thi công ngày 01/01/2019. Tuy nhiên, các tài liệu nguyên đơn cung cấp đều đã được cấp sơ thẩm xem xét, đối với vi bằng do Văn phòng T10 lập đã ghi lại các đoạn clip thể hiện việc bà H không cho bà T vào nhà và sự việc tranh chấp giữa các bên, tuy nhiên các clip này đều ghi lại hình ảnh trước khi xét xử sơ thẩm nên không có căn cứ xem xét. Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm bà H cam đoan sẽ không có hành vi ngăn cản việc bà T về quê thắp hương các ngày giỗ ông bà tổ tiên, cũng như các ngày lễ tết.

Từ những nhận định đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị Hoài T giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị Hoài

T không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị Hoài T giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2- Hà Tĩnh.

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 147, khoản 2 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 651, 652 Bộ luật dân sự; các Điều 26, 27, 37, 137 và Điều 236 của Luật đất đai năm 2024; Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Điều 79 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội; điểm a, b khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 7 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

[1.]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Hoài T về việc chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Phạm Xuân N1 và bà Võ Thị N2 để lại là thửa đất số 502, tờ số 16, địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là thôn B, phường H, tỉnh Hà Tĩnh), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Xuân N1, cấp ngày 15/10/1996. Xác định phần di sản thừa kế của ông Phạm Xuân N1 để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích đất thuộc thửa đất số 502, tờ số 16, địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là thôn B, phường H, tỉnh Hà Tĩnh), có diện tích là $677,8m^2$ (*Sáu trăm bảy mươi bảy phẩy tám mét vuông*)

Di sản của ông Phạm Xuân N1 để lại là thửa đất có diện tích $677,8m^2$ được phân chia thành 05 kỷ phần cho các đồng thừa kế gồm: Bà Phạm Thị Hoài T 01 phần; anh Phạm Xuân S 01 phần; chị Phạm Thị P 01 phần; bà Hồ Thị H 01 phần; ông Phạm H4 (*cha đẻ ông N1 đã chết*) nên các đồng thừa kế của ông H4 được hưởng 01 phần gồm: Bà Phạm Thị Hoài T, chị Phạm Thị P, anh Phạm Xuân S, bà Phạm Thị D1, ông Phạm Đức T1, bà Phạm Thị D3, bà Hà Thị N, ông Phạm Tiến D2, ông Phạm Xuân B, bà Dương Thị H2, bà Đặng Thị T3, ông Phạm Thanh T4. Mỗi kỷ phần có diện tích là: $677,8m^2/05 \text{ phần} = 135,56m^2$. Ông Phạm H4 được hưởng 01 phần từ ông Phạm Xuân N1 có diện tích $135,56m^2$ được chia thành 07 phần, tương đương mỗi kỷ phần được hưởng là $135,56m^2/07 \text{ phần} = 19,36m^2$. Ông Phạm Xuân N1 được hưởng 01 phần từ ông Phạm H4 có diện tích $19,36m^2$ được chia thành 03 phần, tương đương mỗi kỷ phần là $19,36m^2/03 \text{ phần} = 6,45m^2$.

[1.2]. Phần diện tích đất bà Hồ Thị H được chia công sức bảo, quản tôn có diện tích là $135,56m^2$. Ghi nhận sự tự nguyện của các con cháu của ông Phạm H4 nêu trên (trừ bà Phạm Thị Hoài T) về việc tặng cho toàn bộ phần diện tích đất

được chia cho anh Phạm Xuân S toàn quyền quản lý, sử dụng. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Phạm Xuân S về việc tặng cho toàn bộ phần diện tích đất được chia và toàn bộ phần diện tích đất là di sản của các con cháu của ông Phạm Hiệu T7 cho để tặng cho lại toàn bộ cho bà Hồ Thị H toàn quyền quản lý, sử dụng.

Tổng diện tích phần đất bà Hồ Thị H được hưởng là: $135,56\text{m}^2$ (phần của bà Hồ Thị H) + $135,56\text{m}^2$ (phần của anh Phạm Xuân S tặng cho) + $135,56\text{m}^2$ (phần của chị Phạm Thị Phương T8 cho) + $(135,56\text{m}^2 - 6,45\text{m}^2)$ (phần của các con cháu ông Phạm Hiệu T7 cho, trừ $6,45\text{m}^2$ của bà T) = $535,79\text{m}^2$.

- Phần đất được chia cho bà Hồ Thị H có ký hiệu S2 diện tích $535,79\text{m}^2$ (*Năm trăm ba mươi lăm phẩy bảy chín mét vuông*), trong đó: đất ở 60m^2 , đất vườn $475,79\text{m}^2$, trị giá 60.027.395 đồng (*Sáu mươi triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi lăm đồng*).

- Giao cho bà Hồ Thị H được toàn quyền quản lý, sử dụng ngôi nhà cấp 4 và công trình phụ cùng toàn bộ tài sản nằm trên diện tích đất được chia cho bà H. Đồng thời bà Hồ Thị H có nghĩa vụ trả lại cho bà Phạm Thị Hoài T số tiền đóng góp xây dựng nhà là 145.129.044 đồng (*Một trăm bốn mươi lăm triệu một trăm hai mươi chín nghìn không trăm bốn bốn đồng*).

[1.3]. Giao cho bà Phạm Thị Hoài T tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất là di sản của bà Võ Thị N2 để lại đã hết thời hiệu chia thừa kế, có diện tích $677,8\text{m}^2$. Phần diện tích đất của bà Phạm Thị Hoài T được hưởng của ông Phạm Xuân N1 là $135,56\text{m}^2 + 6,45\text{m}^2 = 142,01\text{m}^2$. Như vậy, tổng diện tích đất bà Phạm Thị Hoài T được quản lý, sử dụng là: $142,01\text{m}^2 + 677,8\text{m}^2 = 819,81\text{m}^2$.

- Phần đất được chia cho bà Phạm Thị Hoài T có ký hiệu S1 diện tích $819,81\text{m}^2$ (*Tám trăm mười chín phẩy tám mươi một mét vuông*) trong đó: đất ở 90m^2 , đất vườn $729,81\text{m}^2$, trị giá 90.855.405 đồng (*Chín mươi triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn bốn trăm linh năm đồng*).

Ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn bà Hồ Thị H về việc tháo dỡ, dời dọn toàn bộ tài sản của bà H nằm trên diện tích đất chia cho bà Phạm Thị Hoài T. Đối với các tài sản khác gắn liền với diện tích đất được chia, bà Phạm Thị Hoài T được toàn quyền quản lý, sử dụng.

[1.4]. Giao phần đất có ký hiệu S3 diện tích $90,9\text{m}^2$ (*Chín mươi phẩy chín mét vuông*) trong đó: đất ở 50m^2 , đất vườn $40,9\text{m}^2$, thuộc thửa đất số 502, tờ số 16, địa chỉ: Thôn B, xã K, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là thôn B, phường H, tỉnh Hà Tĩnh) trên đất có 01 nhà thờ cho 03 nhánh họ quản lý, sử dụng gồm: nhánh của các con cháu ông Phạm H4 do ông Phạm Đức T1 làm đại diện; nhánh do ông Phạm Văn H5 và nhánh do ông Phạm Xuân L làm đại diện.

- Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

- Phần đất chia cho các đương sự quản lý, sử dụng có sơ đồ kèm theo là một phần không tách rời bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải

trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.] Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Phạm Thị Hoài T về việc chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*). Chi phí tố tụng nguyên đơn đã nộp đủ.

[3.] Về án phí:

*Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn bà Phạm Thị Hoài T phải chịu 4.542.770 đồng (*Bốn triệu năm trăm bốn hai nghìn bảy trăm bảy mươi đồng*) án phí đối với trị giá phần tài sản được chia, nhưng được khấu trừ vào số tiền 18.000.000 đồng (*Mười tám triệu đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, theo biên lai thu tiền số 0002544 ngày 04/12/2024. Trả lại cho bà Phạm Thị Hoài T số tiền 13.457.230 đồng (*Mười ba triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm ba mươi đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002544 ngày 04/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh nay là phòng Thi hành án dân sự khu vực 2- Hà Tĩnh.

Buộc bị đơn bà Hồ Thị H phải chịu án phí đối với giá trị phần tài sản được chia và tự nguyện chịu án phí đối với giá trị phần tài sản được các đương sự khác tặng cho là 3.001.370 đồng (*Ba triệu không trăm linh một nghìn ba trăm bảy mươi đồng*) và 7.256.452 đồng (*Bảy triệu hai trăm năm sáu nghìn bốn trăm năm hai đồng*) án phí đối với nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn. Tổng số tiền án phí bà Hồ Thị H phải chịu là 10.258.000 đồng (*Mười triệu hai trăm năm mươi tám nghìn đồng*) (*đã làm tròn số*).

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Hoài T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000304 ngày 17 tháng 10 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 - Hà Tĩnh.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TA, VKS, THA khu vực 2- Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, Toà DS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khắc Hoàn